

SỞ Y TẾ THANH HÓA
TRUNG TÂM Y TẾ THIỆU HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 46 /TTYT- CV

Thiệu Hóa, ngày 26 tháng 05 năm 2023

V/v: Triển khai hoạt động ngày
vi chất dinh dưỡng (01- 02/6/2023)

Kính gửi: Trưởng trạm Y tế các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 462/VDD- GDTT ngày 15/5/2023 của Viện Dinh dưỡng về việc Phổ biến thông điệp truyền thông ngày Vi chất dinh dưỡng (01-02/6/2023) và công văn số 671/KSBT- DD ngày 23/05/2023 của Trung tâm KSBT tỉnh Thanh Hóa.

Nhằm đẩy mạnh xã hội hóa y tế, nâng cao nhận thức của người dân, huy động cộng đồng tích cực tham gia công tác phòng chống suy sinh dưỡng, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ em. Giám đốc Trung tâm Y tế Thiệu Hóa yêu cầu trưởng trạm Y tế xã, thị trấn thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Lập kế hoạch tổ chức triển khai báo cáo UBND xã, thị trấn về việc tổ chức thực hiện công tác cân đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho toàn bộ trẻ từ 0-60 tháng tuổi trên địa bàn xã.

2. Việc tổ chức thực hiện Chiến dịch phải đảm bảo an toàn và thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch COVID – 19 theo chỉ đạo của Bộ Y tế.

3. Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh xã, thị trấn, phổ biến, cung cấp kiến thức nhằm nâng cao nhận thức cho người dân về phòng, chống thiếu Vi chất dinh dưỡng. Thông báo thời gian và địa điểm tổ chức.

4. Thời gian, địa điểm và nội dung triển khai.

Thời gian: triển khai đồng loạt tại 25 xã, thị trấn ngày 01-02/06/2023.

Địa điểm: Tại trạm Y tế xã.

Kết thúc chiến dịch Trưởng trạm y tế xã, thị trấn tổng hợp báo cáo theo mẫu (mẫu gửi kèm) về khoa ATVSTP- YTCC&DD và file mềm gửi qua gmail: vanthitran020896@gmail.com trước ngày 06/06/2023 để tổng hợp báo cáo cấp trên.

Nhận được công văn này yêu cầu Trưởng trạm Y tế các xã, thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc đạt kết quả cao.

Nơi nhận:

- Trạm y tế xã, thị trấn (để t/h);
- Lưu VT.
- Lưu ATVSTP-YTCC&DD



Lê Lương Khang



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH DINH DƯỠNG
(DÀNH CHO TUYÊN HUYỆN/TỈNH)**

Xã:

Thời gian báo cáo: Ngày tháng năm 2023

STT	Các chỉ số cần thu thập và báo cáo	6 tháng	12 tháng
1	Số Thôn/bản		
2	Số xã/phường		
3	Tỷ lệ hộ nghèo		
4	Tổng dân số		
5	Tỷ lệ sinh		
6	Số trẻ sơ sinh sống*		
7	Số trẻ sơ sinh có cân nặng < 2500g*		
8	Số trẻ ≤ 6 tháng tuổi		
9	Tổng số trẻ 6- 12 tháng tuổi		
10	Tổng số trẻ 13- 36 tháng tuổi		
11	Tổng số trẻ 37- 60 tháng tuổi		
12	Số trẻ ≤ 6 tháng được bú mẹ hoàn toàn		
	Tỷ lệ trẻ ≤ 6 tháng được bú mẹ hoàn toàn		
13	Tổng số trẻ < 1 tuổi		
14	Tổng số trẻ < 2 tuổi		
	- Số trẻ gái:		
	- Số trẻ trai		
15	Số trẻ < 2 tuổi SDD cân nặng/tuổi		
	Tỷ lệ trẻ < 2 tuổi SDD cân nặng/tuổi		
16	Số trẻ < 2 tuổi SDD chiều cao/tuổi		
	Tỷ lệ trẻ < 2 tuổi SDD chiều cao/tuổi		
17	Tổng số trẻ < 2 tuổi SDD cả 2 thể (Nhẹ cân + Thấp còi)		
18	Tổng số trẻ dưới 2 tuổi bị SDD		
19	Số trẻ < 2 tuổi được cân đo ít nhất 6 tháng 1 lần		

20	Số trẻ < 2 tuổi được theo dõi tăng trưởng bằng biểu đồ		
21	Tổng số trẻ < 5 tuổi:		
	- Số trẻ gái:		
	- Số trẻ trai:		
22	Số trẻ < 5 tuổi bị suy DD cân nặng/tuổi		
	Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi SDD cân nặng/tuổi		
23	Số trẻ < 5 tuổi bị suy DD chiều cao/tuổi		
	Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi SDD chiều cao/tuổi		
24	Số trẻ < 5 tuổi được cân/đo 6 tháng 1 lần		
	Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi được cân/đo 6 tháng 1 lần		
25	Tổng số trẻ < 5 tuổi SDD cả 2 thể (Nhẹ cân + Thấp còi)		
26	Tổng số trẻ dưới 5 tuổi bị SDD		
27	Số trẻ < 5 tuổi SDD được cân/đo hàng tháng		
	Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi SDD được cân/đo hàng tháng		
28	Số trẻ < 5 tuổi bị SDD được nhận sản phẩm phục hồi DD* (kể cả các chương trình dự án khác)		
29	Số trẻ < 5 tuổi SDD, bị ốm được cộng tác viên, cán bộ y tế đến thăm và tư vấn*		
30	Số trẻ thừa cân/béo phì được phát hiện*		
31	Số trẻ < 5 tuổi tử vong*		
32	Tổng số bà mẹ sinh con trong vòng 6 tháng qua		
	Số phụ nữ độ tuổi sinh đẻ (PN 15 - 49 tuổi)		
	Số phụ nữ 15-49 được bổ sung viên Sắt/đa vi chất		
33	Số phụ nữ có thai (PNMT)*		
	Số phụ nữ mang thai được bổ sung viên sắt/đa vi chất*		
34	Số buổi thực hành dinh dưỡng được tổ chức*		
	Số phụ nữ mang thai(PNMT)/người chăm sóc trẻ dự buổi thực hành dinh dưỡng*		
35	Số buổi truyền thông giáo dục dinh dưỡng được tổ chức*		

	Số phụ nữ mang thai(PNMT)/người chăm sóc trẻ dự buổi truyền thông giáo dục dinh dưỡng*		
36	Số lớp tập huấn chuyên môn đã tổ chức		
	Số cán bộ mạng lưới được tập huấn về chuyên môn*		
37	Số lần truyền thông giáo dục trên đài phát thanh, truyền hình xã/phường.*		
38	Số lần truyền thông giáo dục trên đài phát thanh, truyền hình Huyện.*		

* **Kiến nghị/đề xuất:**

Trưởng trạm
(Ký tên, đóng dấu)

ngày tháng năm 2023
Người làm báo cáo
(Ký ghi rõ họ tên)